



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Bến Tre

Số 07

Ngày 05 tháng 3 năm 2025

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

19-02-2025	Nghị quyết số 06/NQ-HĐND về việc cho ý kiến về tác động của việc thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cầu Đình Khao nối hai tỉnh Vĩnh Long và Bến Tre theo phương thức đối tác công tư.	3
19-02-2025	Nghị quyết số 07/NQ-HĐND về việc sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bến Tre.	8
19-02-2025	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND về việc đổi tên một số khu phố thuộc phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.	11
19-02-2025	Nghị quyết số 09/NQ-HĐND về việc giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã và số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã năm 2025 cho các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre.	13
19-02-2025	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND về việc xác nhận kết quả miễn nhiệm Trưởng Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026.	16
19-02-2025	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND về việc xác nhận kết quả miễn nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, nhiệm kỳ 2021 - 2026.	17

- 19-02-2025 Nghị quyết số 12/NQ-HĐND về việc xác nhận kết quả bầu Trưởng Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026. 18
- 28-02-2025 Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ban hành Danh mục Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương. 20

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06 /NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 19 tháng 02 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc cho ý kiến về tác động của việc thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cầu
Đình Khao nối hai tỉnh Vĩnh Long và Bến Tre
theo phương thức đối tác công tư

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 17
(KỲ HỌP ĐỀ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐỘT XUẤT)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Quyết định số 1120/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cầu Đình Khao nối hai tỉnh Vĩnh Long và Bến Tre theo phương thức đối tác công tư;

Xét Tờ trình số 731/TTr-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết về việc cho ý kiến tác động của việc thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cầu Đình Khao nối hai tỉnh Vĩnh Long và Bến Tre theo phương thức đối tác công tư; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất các nội dung đánh giá tác động của việc thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cầu Đình Khao nối hai tỉnh Vĩnh Long và Bến Tre theo phương thức đối tác công tư, cụ thể như sau:

1. Thông tin về dự án

- Phạm vi đầu tư: Điểm đầu: Giao ĐT.902 tại xã Mỹ An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long; tiếp giáp dự án tuyến tránh Quốc lộ 57 (đường dẫn cầu Đình Khao) tại Km0+000. Điểm cuối: Giao với Quốc lộ 57 khoảng Km11+270, thuộc địa phận xã Phú Phụng, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Quy mô đầu tư: Chiều dài dự án khoảng 4,3km; Đầu tư theo quy mô đường cấp III, đồng bằng, vận tốc thiết kế VTK=80km/h; tuyến và các cầu trên tuyến (gồm cả cầu Cái Cáo vượt nhánh sông Cổ Chiên phía Bến Tre) Bm=12m (2 làn xe), giai đoạn hoàn thiện Bm=20,5m (4 làn xe), giải phóng mặt bằng hoàn thiện 01 lần; riêng cầu Đình Khao vượt sông Cổ Chiên dài Lc=1,54km, hoàn thiện Bc=17,5m (4 làn xe).

2. Tác động về quốc phòng, an ninh

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi để phát triển, gắn kết về mặt quốc phòng giữa hai tỉnh; công tác đảm bảo an ninh trật tự được phối hợp chặt chẽ hơn giúp giữ vững an toàn về mặt kinh tế cũng như an ninh quốc phòng trong khu vực, góp phần tạo điều kiện quan trọng đối với việc cơ động, huy động nguồn lực đối với các phương án tác chiến giữ vững quốc phòng, an ninh của khu vực và đất nước.

Từ đánh giá nêu trên có thể khẳng định Dự án cầu Đình Khao nối hai tỉnh Vĩnh Long và Bến Tre hoàn toàn phù hợp với các nội dung liên quan đến quốc phòng, an ninh.

3. Tác động về hạ tầng giao thông

Dự án đầu tư xây dựng cầu Đình Khao là một phần quan trọng trong kết nối giữa các vùng kinh tế của huyện Chợ Lách - Mỏ Cày - Thạnh Phú với hệ thống giao thông Vĩnh Long thông qua Quốc lộ 57. Đây là công trình giao thông có vốn đầu tư tương đối nhưng có ý nghĩa rất lớn về mặt chiến lược, kinh tế - xã hội, quốc phòng. Lợi ích đó thể hiện trên các phương diện, cụ thể như sau:

a) Tăng khả năng kết nối giao thông giữa hai tỉnh Vĩnh Long và Bến Tre:

Cầu Đình Khao hoàn thành giúp hoạt động kinh tế trao đổi hàng hóa giữa hai tỉnh Vĩnh Long và Bến Tre nói chung và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng một cách thuận tiện và nhanh chóng hơn.

b) Mở rộng không gian phát triển, kéo giãn mật độ dân cư các thành phố trong khu vực:

Việc phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là kết cấu hạ tầng giao thông trong khu vực nói chung và của hai tỉnh Vĩnh Long, Bến Tre nói riêng còn chưa tương xứng với yêu cầu phát triển dẫn tới quá tải giao thông, gây ra tình trạng ùn tắc, tai nạn giao thông, ô nhiễm môi trường ở nhiều khu vực, đặc biệt là cửa ngõ khu vực nội ô. Do vậy, việc đầu tư hoàn thành cầu Đình Khao sẽ nâng cao năng lực thông hành và rút ngắn thời gian; thúc đẩy phát triển đô thị, công nghiệp, thương mại, dịch vụ khu vực, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, kinh tế đô thị, tạo nguồn lực đầu tư phát triển cho tương lai, góp phần mở rộng không gian phát triển mới theo định hướng quy hoạch, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội các địa phương trong khu vực nói riêng và của cả nước nói chung.

c) Giảm áp lực cho các tuyến đường bộ trong khu vực

Tuyến lưu thông chính nối hai tỉnh Vĩnh Long và huyện Chợ Lách tỉnh Bến Tre chủ yếu là qua phà Đình Khao với thời gian hiện nay là khoảng 30 phút, cùng với quá trình phát triển kinh tế và lưu lượng xe qua lại ngày càng tăng cao nên thường xuyên xảy ra tình trạng ùn tắc giao thông khi qua phà, gây mất trật tự và an toàn giao thông. Do vậy, việc đầu tư xây dựng cầu Đình Khao góp phần rút ngắn thời gian và giải quyết tình trạng ùn tắc giao thông là hết sức cần thiết.

4. Tác động về kinh tế, xã hội

Dự án cầu Đình Khao mang lại một số lợi ích về mặt kinh tế - xã hội bao gồm: Lợi ích do giảm giá thành vận tải, do mở rộng vùng hấp dẫn của tuyến đường, giảm thời gian lưu thông, giảm nguy cơ tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông; thu hút đầu tư, thúc đẩy việc phát triển, khai thác tiềm năng của địa phương, đẩy mạnh phát triển thị trường kinh tế, nhịp độ tăng trưởng kinh tế, giảm mức độ ô nhiễm môi trường (do chất lượng khai thác của đường được nâng cao); tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển văn hoá, giáo dục, y tế,... Mặt khác, lợi ích kinh tế từ việc đầu tư Dự án được lượng hóa từ việc tiết kiệm chi phí vận hành phương tiện và tiết kiệm thời gian vận chuyển ở các thời điểm có sự khác nhau, đây chính là các chi phí tiết kiệm mang lại lợi ích lớn cho xã hội và người dân.

Về mặt chính sách đầu tư, Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư có các lợi thế: (i) Huy động được nguồn lực xã hội, giảm áp lực vốn Nhà nước; (ii) Tận dụng được thế mạnh về công nghệ, kinh nghiệm quản lý từ khối tư nhân; (iii) Phân chia rủi ro hợp lý giữa Nhà nước và nhà đầu tư trong quá trình đầu tư, quản lý vận hành và khai thác công trình dự án. Đồng thời, Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ, đã cho phép việc triển khai, thực hiện Dự án được áp dụng thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ.

Song song đó, hiệu quả kinh tế từ việc thu phí sẽ tạo nguồn kinh phí phục vụ công tác bảo trì, duy tu tuyến đường thu phí và thu hồi vốn của nhà đầu tư. Mức thu phí sẽ được tính toán, xây dựng trên cơ sở các quy định của pháp luật, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, Nhà đầu tư và người dân, phù hợp với khả năng chi trả của người sử dụng. Trong quá trình thực hiện đảm bảo công khai, minh bạch, tiết kiệm, sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí thu được; tăng cường kiểm tra, giám sát, phòng chống tham nhũng, thất thoát, lãng phí...

Ngoài ra, Dự án tác động về kinh tế - xã hội đối với cộng đồng dân cư như: (i) Trong giai đoạn thi công sẽ tạo ra rất nhiều cơ hội việc làm cho người dân địa phương; (ii) Nhu cầu tiêu thụ sản phẩm và dịch vụ tăng lên làm tăng trưởng kinh tế địa phương, góp phần nâng cao đời sống và an sinh xã hội của cộng đồng; (iii) Khi đưa vào khai thác sẽ thu hút được nhiều nhà đầu tư, các vùng sản xuất nông nghiệp sẽ thuận lợi trong việc tiêu thụ sản phẩm, chất lượng cuộc sống của cộng đồng dân cư; (iv) Việc di dời, tái định cư của các hộ dân sẽ tạo ra nơi ở mới, việc làm mới, việc tiếp cận các dịch vụ y tế, giáo dục.

5. Tác động ảnh hưởng môi trường đến cộng đồng dân cư

Theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, quy định về phân vùng môi trường, phạm vi dự án không chiếm dụng đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp; khu vực dự án không gần khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; vùng đất ngập nước quan trọng và di sản thiên nhiên khác. Dự án không sử dụng đất, đất có mặt nước của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng theo pháp luật về di sản văn hóa.

Ngoài ra, các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường cũng được dự báo về các tác động môi trường, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án như: giai đoạn thi công, giai đoạn vận hành về nước thải sinh hoạt, nước thải trong quá trình thi công xây dựng, bụi, khí thải, chất thải sinh hoạt và chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, gia tăng mức ồn, rung, các tác động môi trường khác đều được hoạch định các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường đảm bảo theo quy định. Các tác động tương ứng với từng hoạt động trong các giai đoạn hoạt động của Dự án đã được nhận dạng đầy đủ. Việc đánh giá các tác động tới từng đối tượng theo các tác nhân gây tác động phát sinh từ các hoạt động đã được định lượng tối đa.

Nhằm giảm thiểu các tác động ở mức thấp nhất, đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định; Nhà đầu tư thực hiện Dự án phải cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp theo quy định, thực hiện quan trắc giám sát môi trường và các đối tượng bị tác động để có những biện pháp điều chỉnh thích hợp, kịp thời.

Các biện pháp giảm thiểu đề xuất với các tác động chính (tác động do chiếm dụng đất, tác động tới môi trường nước; tác động tới dân cư; tác động đến giao thông) và các tác động khác có tính khả thi và hiệu quả thực hiện cao. Tuy nhiên, nhằm đảm bảo tác động tàn dư có thể chấp nhận được, phải thực hiện các giám sát môi trường tại nguồn thải hoặc các đối tượng bị tác động để có những biện pháp điều chỉnh thích hợp, kịp thời. Quản lý môi trường và giám sát môi trường phải được tiến hành trong cả ba giai đoạn: Chuẩn bị xây dựng, xây dựng và vận hành. Nhà đầu tư thực hiện Dự án chịu trách nhiệm về công tác quản lý môi trường và giám sát môi trường, cung cấp đầy đủ, kịp thời kinh phí cho hoạt động này. Kinh phí cho công tác bảo vệ môi trường đã được tính vào tổng mức đầu tư của Dự án.

Trong quá trình thi công xây dựng đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn và quy chuẩn Việt Nam và quốc tế về môi trường, bảo đảm chất lượng không khí, nước mặt, nước dưới đất và trầm tích đạt các tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế về môi trường.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, tổng hợp ý kiến tại Nghị quyết và phối hợp Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long thực hiện một số nội dung sau:

a) Rà soát, chuẩn xác quy mô, nội dung đầu tư, có giải pháp đầu nối thích hợp, khớp nối đồng bộ, lựa chọn phương án, giải pháp kỹ thuật phù hợp, đảm bảo không trùng lặp và tiết kiệm, hiệu quả và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

b) Tuân thủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng.

c) Phương án tính phí cần hài hòa lợi ích giữa nhà đầu tư và người dân, đảm bảo dự án khi hoàn thành phục vụ tốt lợi ích của người dân, nhà nước và mục tiêu của nhà đầu tư.

d) Xác định hiện trạng sử dụng đất, nguồn gốc đất đai, xây dựng phương án, kinh phí giải phóng mặt bằng đảm bảo đúng chế độ, chính sách hiện hành.

đ) Chỉ đạo các sở, ngành có liên quan căn cứ theo chức năng nhiệm vụ được giao hướng dẫn, phối hợp cùng Chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án; giải quyết các thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi giúp Chủ đầu tư hoàn thành dự án đảm bảo đúng mục tiêu, tiến độ, chất lượng công trình.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, Kỳ họp thứ 17 (kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất) thông qua ngày 19 tháng 02 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

CHỦ TỊCH

Hồ Thị Hoàng Yến

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07 /NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 19 tháng 02 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
về danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa
trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 17
(KỲ HỌP ĐỀ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐỘT XUẤT)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 741/TTr-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục sửa đổi, bổ sung các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và Ban văn hóa – xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bổ sung Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2023

“1. Bổ sung mới dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ mở rộng Nhà máy xử lý rác thải Bến Tre, với tổng diện tích đất thực hiện dự án là 3,24ha, diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa là 2,41 ha.” (Nội dung sửa đổi tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre thông qua danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2025

1. Sửa đổi Điều 1 Nghị quyết số 39/NQ-HĐND như sau:

“**Điều 1.** Thông qua Danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2025 gồm 20 dự án với diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa là 82,84 ha.”

2. Bổ sung dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ kêu gọi đầu tư huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (giai đoạn 2) tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND (*Nội dung bổ sung tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này*).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đúng theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre Khoá X, Kỳ họp thứ 17 (kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất) thông qua ngày 19 tháng 02 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

CHỦ TỊCH

Hồ Thị Hoàng Yên

Phụ lục
DANH MỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)

STT	Tên dự án	Vị trí thực hiện dự án	Diện tích đất thực hiện dự án (ha)	Trong đó		Ghi chú
				Diện tích đất lúa cần chuyển mục đích (ha)	Diện tích đất rừng cần chuyển mục đích (ha)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng diện tích bổ sung			25.50		
I	HUYỆN CHÂU THÀNH					
	Dự án sửa đổi		3.24	2.41		
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ mở rộng Nhà máy xử lý rác thải Bến Tre	Xã Hữu Định, huyện Châu Thành	3.24	2.41		Dự án đã có trong Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 07/9/2023 của HĐND tỉnh. Sửa đổi tên dự án và tổng diện tích thực hiện dự án theo chủ trương đầu tư Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 01/4/2024 của UBND tỉnh Bến Tre
	Dự án bổ sung		42.74	25.50		
2	Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ kêu gọi đầu tư huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (giai đoạn 2)	Xã An Phước và Giao Long, huyện Châu Thành	42.74	25.50		Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 03/7/2019 của HĐND tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án thuộc thẩm quyền HĐND tỉnh; Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08 /NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 19 tháng 02 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc đổi tên một số khu phố thuộc phường An Hội,
thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 17
(KỲ HỌP ĐỂ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐỘT XUẤT)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 1237/NQ-UBTVQH15 ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bến Tre giai đoạn 2023 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNV ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 740/TTr-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đổi tên một số khu phố thuộc phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất đổi tên một số khu phố thuộc phường An Hội, thành phố Bến Tre như sau:

1. Đổi tên Khu phố 1 (thuộc Phường 4 cũ) thành Khu phố 8;

2. Đổi tên Khu phố 2 (thuộc Phường 4 cũ) thành Khu phố 9;
3. Đổi tên Khu phố 3 (thuộc Phường 4 cũ) thành Khu phố 10;
4. Đổi tên Khu phố 1 (thuộc Phường 5 cũ) thành Khu phố 11;
5. Đổi tên Khu phố 2 (thuộc Phường 5 cũ) thành Khu phố 12;
6. Đổi tên Khu phố 3 (thuộc Phường 5 cũ) thành Khu phố 13;
7. Đổi tên Khu phố 4 (thuộc Phường 5 cũ) thành Khu phố 14.

Sau khi đổi tên, phường An Hội, thành phố Bến Tre có 14 khu phố, gồm: Khu phố 1, Khu phố 2, Khu phố 3, Khu phố 4, Khu phố 5, Khu phố 6, Khu phố 7, Khu phố 8, Khu phố 9, Khu phố 10, Khu phố 11, Khu phố 12, Khu phố 13, Khu phố 14.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre Khóa X, Kỳ họp thứ 17 (kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất) thông qua ngày 19 tháng 02 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

CHỦ TỊCH

Hồ Thị Hoàng Yến

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09 /NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 19 tháng 02 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã và số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã năm 2025 cho các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 17
(KỲ HỌP ĐỀ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐỘT XUẤT)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 1237/NQ-UBTVQH15 ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bến Tre giai đoạn 2023-2025;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 739/TTr-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã và số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã năm 2025 cho các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã và số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã năm 2025 cho các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre, cụ thể như sau:

1. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã năm 2025 của tỉnh Bến Tre là 3.182 người, phân bổ như sau:

a) Huyện Châu Thành: 373 người (bao gồm 13 người tăng thêm và 32 người dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025).

b) Huyện Ba Tri: 475 người (bao gồm 12 người tăng thêm và 03 người dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025).

c) Huyện Bình Đại: 395 người (bao gồm 02 người tăng thêm và 03 người dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025).

d) Huyện Chợ Lách: 239 người (bao gồm 09 người tăng thêm).

đ) Huyện Mỏ Cày Bắc: 274 người (bao gồm 06 người tăng thêm).

e) Huyện Mỏ Cày Nam: 342 người (bao gồm 10 người tăng thêm).

g) Huyện Giồng Trôm: 443 người (bao gồm 07 người tăng thêm).

h) Huyện Thạnh Phú: 372 người (bao gồm 02 người tăng thêm).

i) Thành phố Bến Tre: 269 người (bao gồm 11 người tăng thêm và 02 người dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025).

2. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã năm 2025 của tỉnh Bến Tre là 1.977 người, phân bổ như sau:

a) Huyện Châu Thành: 227 người (bao gồm 13 người tăng thêm và 14 người dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025).

b) Huyện Ba Tri: 303 người (bao gồm 12 người tăng thêm và 07 người dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025).

c) Huyện Bình Đại: 244 người (bao gồm 02 người tăng thêm và 04 người dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025).

d) Huyện Chợ Lách: 151 người (bao gồm 09 người tăng thêm).

đ) Huyện Mỏ Cày Bắc: 170 người (bao gồm 06 người tăng thêm).

e) Huyện Mỏ Cày Nam: 214 người (bao gồm 10 người tăng thêm).

g) Huyện Giồng Trôm: 275 người (bao gồm 07 người tăng thêm).

h) Huyện Thạnh Phú: 228 người (bao gồm 02 người tăng thêm).

i) Thành phố Bến Tre: 165 người (bao gồm 11 người tăng thêm).

3. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm cả người đang hưởng chế độ hưu trí hoặc trợ cấp mất sức lao động được bầu giữ chức vụ cán bộ cấp xã và cán bộ, công chức được luân chuyển, điều động, biệt phái về cấp xã. Trường hợp luân chuyển về đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân

cấp xã thì thực hiện theo quy định của Chính phủ về số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân.

4. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 được bố trí tại các đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp và thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.
3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 17 (kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất) thông qua ngày 19 tháng 02 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

CHỦ TỊCH

Hồ Thị Hoàng Yến

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Số: 10 /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bến Tre, ngày 19 tháng 02 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc xác nhận kết quả miễn nhiệm
Trưởng Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre
khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 17
(KỲ HỌP ĐỂ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐỘT XUẤT)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Xét Tờ trình số 44/TTr-HĐND ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc miễn nhiệm chức vụ Trưởng Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ kết quả miễn nhiệm chức vụ Trưởng Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 tại Biên bản kiểm phiếu ngày 19 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Xác nhận kết quả miễn nhiệm chức vụ Trưởng Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026 đối với ông Nguyễn Văn Quới. Lý do: nghỉ hưu.

Điều 2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, các sở, ngành có liên quan và ông Nguyễn Văn Quới căn cứ nghị quyết thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 17 (kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất) thông qua ngày 19 tháng 02 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

CHỦ TỊCH

Hồ Thị Hoàng Yến

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11 /NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 19 tháng 02 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc xác nhận kết quả miễn nhiệm
Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, nhiệm kỳ 2021 - 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 17
(KỲ HỌP ĐỂ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐỘT XUẤT)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;

Xét Tờ trình số 882/TTr-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc miễn nhiệm chức danh Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh, nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Xác nhận kết quả miễn nhiệm chức danh Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh, nhiệm kỳ 2021 – 2026 đối với ông Phạm Thanh Hùng – Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội. Lý do: chuyên công tác.

Điều 2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, các sở, ngành có liên quan và ông Phạm Thanh Hùng căn cứ nghị quyết thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 17 (kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất) thông qua ngày 19 tháng 02 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

CHỦ TỊCH

Hồ Thị Hoàng Yến

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12 /NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 19 tháng 02 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc xác nhận kết quả bầu Trưởng Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỶ HỌP THỨ 17
(KỶ HỌP ĐỂ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐỘT XUẤT)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Xét Tờ trình số 45/TTr-HĐND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giới thiệu nhân sự bầu Trưởng Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ kết quả bầu Trưởng Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 tại Biên bản ngày 19 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Xác nhận kết quả trúng cử Trưởng Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026 đối với ông Phạm Thanh Hùng đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

(Có lý lịch trích ngang kèm theo)

Điều 2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, các sở, ngành có liên quan và ông Phạm Thanh Hùng căn cứ nghị quyết thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 17 (kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất) thông qua ngày 19 tháng 02 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

CHỦ TỊCH

Hồ Thị Hoàng Yến

LÝ LỊCH TRÍCH NGANG

Trưởng Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre, khóa X, nhiệm kỳ 2021 – 2026
(Kèm theo Nghị quyết số 12 /NQ-HĐND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Nơi ở hiện nay	Trình độ			
					Chuyên môn	Tin học	Ngoại ngữ	Lý luận chính trị
1	Phạm Thanh Hùng	02/10/1968	Xã Thừa Đức, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre	Số nhà 283/BH, ấp Bình Hòa, thị trấn Bình Đại, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre	Đại học chuyên ngành kinh tế phát triển	Căn bản	B	Cao cấp

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 28 tháng 02 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Danh mục Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định
chi tiết văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương**

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 981/TTr-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Danh mục Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và kết quả tại Biên bản phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ngày 24 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Danh mục Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương.

(Danh mục Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Chỉ đạo các sở, ngành có liên quan xây dựng và trình dự thảo Nghị quyết đảm bảo chất lượng, đúng thời gian và quy định của pháp luật.

2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

TM. THƯỜNG TRƯC HĐND TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Quang Triệu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA
TRUNG ƯƠNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 13 /NQ-HĐND ngày 28 tháng 02 năm 2025
của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)*

STT	Tên văn bản giao quy định chi tiết	Điều, khoản, điểm giao quy định chi tiết	Dự kiến tên văn bản quy định chi tiết	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Dự kiến thời gian trình thông qua Thành viên UBND tỉnh	Dự kiến thời gian trình thông qua HĐND tỉnh
1	Luật Nhà ở	Điểm g khoản 2 Điều 85	Nghị quyết về một số cơ chế hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bến Tre	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố	Tháng 4/2025	Kỳ họp giữa năm 2025
2	Luật Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	Điểm b khoản 3 Điều 37	Nghị quyết quy định tiêu chí thành lập Đội Dân phòng và tiêu chí về số lượng thành viên Đội Dân phòng trên địa bàn tỉnh	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố	Tháng 3/2025	Kỳ họp giữa năm 2025

VĂN PHÒNG UBND TỈNH BẾN TRE XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 07, Cách mạng tháng Tám, Phường An Hội, TP.Bến Tre;

Điện thoại liên hệ: 0275.3822115 - 3827529; Fax: 0275.3822134;

E-mail: congbaobentre@bentre.gov.vn;

Website: congbao.bentre.gov.vn